

Số: HH9/BC-CCTTBVTV Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 5 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2020 Phương hướng, nhiệm vụ công tác cải cách hành chính 6 tháng cuối năm 2020

Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ về công tác cải cách hành chính (CCHC) tại Kế hoạch số 77/KH-SNN ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2020, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC 6 tháng đầu năm 2020 - Phương hướng, nhiệm vụ công tác CCHC 6 tháng cuối năm 2020 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Về kế hoạch CCHC:

Thực hiện Kế hoạch số 77/KH-SNN ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2020, Chi cục đã xây dựng Kế hoạch số 85/KH-CCTTBVTV ngày 11 tháng 02 năm 2020 về thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2020, trong đó có 09 đầu việc phải thực hiện.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC:

Chi cục chỉ đạo công tác CCHC lồng ghép tại cuộc họp giao ban của đơn vị Chi cục kiện toàn Ban chỉ đạo CCHC tại Quyết định 25/QĐ-CCTTBVTV ngày 13 tháng 02 năm 2020.

3. Về kiểm tra công tác CCHC

Thực hiện Kế hoạch số 312/KH-SNN ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT về kiểm tra, khảo sát việc thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2020, Chi cục đã xây dựng Kế hoạch số 162/KH-CCTTBVTV ngày 21 tháng 02 năm 2020 về kiểm tra, khảo sát việc thực hiện công tác cải cách hành chính tại các phòng trạm trực thuộc Chi cục năm 2020.

4. Về công tác tuyên truyền CCHC

Thực hiện Kế hoạch số 305/KH-SNN ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT về thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính năm 2020, Chi cục đã xây dựng và đăng tải Kế hoạch số 156/KH-CCTTBVTV ngày 20 tháng 02 năm 2020 về thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền CCHC năm 2020 lên trang thông tin điện tử của Chi cục.

5. Khảo sát hài lòng của người dân, doanh nghiệp

Qua khảo sát sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp tại bộ phận “một cửa” của Chi cục bằng phiếu khảo sát: 510/510 phiếu hài lòng đạt 100%.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

1. Cải cách thể chế

1.1. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL):

Năm 2020 Chi cục không có đăng ký xây dựng VBQPPL của Thành phố.

1.2. Công tác rà soát, kiểm tra VBQPPL:

Thực hiện Kế hoạch số 3534/KH-SNN ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Sở Nông Nghiệp và PTNT về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Chi cục đã xây dựng Kế hoạch số 98/KH-CCTTBVTV ngày 13 tháng 02 năm 2020 về công tác kiểm tra rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

1.3. Theo dõi thi hành pháp luật trọng tâm và theo chuyên đề:

Thực hiện Kế hoạch số 3451/KH-SNN ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Sở Nông Nghiệp và PTNT, Chi cục xây dựng Kế hoạch số 17/KH-CCTTBVTV ngày 10 tháng 01 năm 2020 về tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng và thanh tra năm 2020.

Chi cục xây dựng Kế hoạch số 199/KH-CCTTBVTV ngày 28 tháng 02 năm 2020 về công tác phổ biến giáo dục pháp luật năm 2020.

Tình hình kiểm tra việc thực hiện các VBQPPL: Không phát sinh

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

2.1. Thực hiện cải cách TTHC trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ, các bộ, ngành tại Thành phố:

Chi cục thực hiện cải cách TTHC lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công giải quyết theo quy định. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC của công chức, viên chức đảm bảo thực hiện cơ chế “một cửa”, kiểm tra tiến độ giải quyết hồ sơ nhằm giải quyết hồ sơ đúng hạn cho tổ chức, công dân.

2.2. Công tác kiểm soát TTHC:

2.2.1 Chỉ đạo điều hành công tác kiểm soát TTHC

Tiếp tục triển khai thực hiện công tác kiểm soát TTHC theo Kế hoạch số 130/KH-SNN ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch số 216/KH-CCTTBVTV ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Chi cục.

Triển khai thực hiện cơ chế một cửa đối với tất cả TTHC do Chi cục tiếp nhận giải quyết.

2.2.2 Kết quả triển khai các Kế hoạch

- Kết quả thực hiện/phối hợp thực hiện rà soát, đơn giản hóa TTHC: Không phát sinh.

- Chi cục niêm yết công khai 17/17 TTHC tại Bộ phận tiếp nhận-trả kết quả và trang thông tin điện tử.

- Có 17/17 TTHC đang được tiếp nhận tại bộ phận 1 cửa, trong đó:

+ Số lượng TTHC đã được công bố/chưa được công bố: 17/17 TTHC.

+ Số lượng TTHC đang thực hiện kết hợp 08/17 TTHC.

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 520, trong đó:
 - + Số hồ sơ đúng hạn: 505 (tỷ lệ 100% đúng hạn).
 - + Số hồ sơ đang giải quyết: 15 (còn trong hạn giải quyết).
 - + Số hồ sơ trễ hạn/quá hạn nhưng chưa có kết quả: 0.
 - + Số hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ công trực tuyến: 210.
- Tình hình thực hiện thư xin lỗi: Không phát sinh.
- Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính: Chi cục đã niêm yết công khai số điện thoại, địa chỉ cơ quan tiếp nhận, phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính. Đến thời điểm hiện nay, Chi cục chưa có tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.
- Kiểm soát việc ban hành mới các TTHC thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND/UBND Thành phố: Không phát sinh.
- Kết quả tham mưu Sở trình Chủ tịch UBND Thành phố công bố TTHC: Không phát sinh.

2.2.3 Kết quả thực hiện TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích

Tổng số TTHC tiếp nhận và trả kết quả qua bưu chính công ích/tổng số hồ sơ nộp 1 cửa: 122/520 hồ sơ.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của đơn vị:

- Thực hiện Quyết định số 6102/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức lại Chi cục Bảo vệ thực vật thành Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT; Quyết định số 527/QĐ-SNN ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Thành phố Hồ Chí Minh. Chi cục đã ban hành quy định chức năng nhiệm vụ đối với 10 phòng, trạm thuộc Chi cục; bổ nhiệm và thay đổi chức danh lãnh đạo, quản lý; bố trí nhân sự các phòng, trạm hợp lý để thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Về quản lý và sử dụng biên chế:

+ Thực hiện Quyết định số 63/QĐ-SNN ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT Chi cục được giao 82 CCVC-LĐ (29 CC, 53 VC-LĐ)

+ Tính đến ngày 20/5/2020, tổng số CCVC-LĐ hiện diện: 66 người. Biên chế: 60 người (12 CC, 33 VC, 15 hợp đồng NĐ 68); Hợp đồng tạm tuyển: 06 người.

3.2. Về thực hiện phân cấp/ủy quyền quản lý

Chi cục được Sở phân cấp thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp, triển khai kế hoạch phục vụ sản xuất nông nghiệp và hỗ trợ nông dân thực hiện chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn thành phố giai đoạn 2016-2020; Chương trình phát triển rau an toàn, Chương trình phát triển hoa cây kiểng, ...

3.3. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:

Chi cục đã tổ chức thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa”.

3.4. Thực hiện tiếp nhận, giải quyết TTHC vào ngày thứ bảy hàng tuần:

Chưa thực hiện.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CCVC

4.1. Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu CCVC:

Chi cục đã xây dựng đề án vị trí việc làm theo cơ cấu ngạch công chức (quy định tại Thông tư số 05/2013/TT-BNV ngày 05 tháng 6 năm 2013 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức).

4.2. Thực hiện các quy định về quản lý CCVC:

Chi cục thực hiện đúng theo các quy định về quản lý CCVC.

Đã lập thủ tục bổ nhiệm đối với 01 CC và 01 VC diện Chi cục quản lý.

Đã lập thủ tục trình bổ nhiệm lại đối với 01 CC diện Sở quản lý.

4.3. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng CCVC:

Thực hiện Kế hoạch số 3436/KH-SNN ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của Sở Nông nghiệp và PTNT năm 2020, Chi cục đã xây dựng Kế hoạch số 1301/KH-CCTTBVTV ngày 31 tháng 12 năm 2019 về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của Chi cục năm 2020.

4.4. Nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của CCVC:

Chi cục thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng CCVC theo vị trí việc làm; bố trí, phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ và đánh giá CCVC theo các tiêu chuẩn cụ thể.

Chi cục phát hành Công văn số 97/CCTTBVTV-HCTH ngày 13 tháng 02 năm 2020 triển khai đến toàn thể CCVC-NLĐ thực hiện nghiêm túc Công văn số 3415/SNN-TCCB ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường kiểm tra công vụ, kiểm tra giờ giấc, hiệu quả công việc của cán bộ, công chức, người lao động trong các phòng ban, đơn vị thuộc Sở

5. Cải cách tài chính công

- Chi cục thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ. Năm 2020, Chi cục được giao biên chế 82 người (29 CC, 53 VC). Giao dự toán và phân bổ kinh phí:

+ Theo loại hình cơ quan hành chính 29 CC được hưởng chế độ phụ cấp công vụ

+ Theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập: 53 viên chức.

- Thực hiện công khai dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2020 đảm bảo công khai minh bạch, niêm yết tại cơ quan.

- Chi cục đã ban hành Quyết định số 126/QĐ-CCTTBVTV ngày 16 tháng 3 năm 2020 về Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020, Quyết định số

163/QĐ-CCTTBVTV ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc sửa đổi, bổ sung Điều 22 của Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 126/QĐ-CCTTBVTV ngày 16 tháng 3 năm 2020 và đã thực hiện chi thu nhập tăng thêm quý I trên cơ sở cân đối kinh phí (*nguồn kinh phí tự chủ*) cho lao động không thuộc đối tượng được hưởng thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND và chi từ (*nguồn kinh phí không tự chủ*) cho CCVC theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND kịp thời và đúng quy định.

- Chi cục đề ra Chương trình số 41/CTr-CCTTBVTV ngày 17 tháng 01 năm 2020 về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020, trong đó tập trung: quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên; quản lý và sử dụng trụ sở làm việc, tài sản công; quản lý sử dụng lao động và thời gian lao động. Chi cục đã đề ra các giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đặc biệt là tuyên truyền nâng cao nhận thức của CCVC trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tổ chức thực hiện dự toán ngân sách chặt chẽ, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật tài chính; thực hiện công khai, nâng cao hiệu quả giám sát việc sử dụng ngân sách nhà nước; kiểm soát chặt chẽ việc chi tiêu theo định mức, dự toán bảo đảm chi tiêu hiệu quả; Quản lý sử dụng tài sản công, sửa chữa thường xuyên, thực hiện công tác kiểm kê tài sản, quản lý sử dụng kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên được cấp hàng năm đúng quy định, ...

- Chi cục đã ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại Quyết định số 324/QĐ-CCTTBVTV ngày 25 tháng 6 năm 2019.

- Công tác kiểm kê tài sản: Chi cục đã thành lập Ban kiểm kê tài sản tại Quyết định số 690/QĐ-CCTTBVTV ngày 06 tháng 12 năm 2019. Kết thúc đợt kiểm kê, có biên bản kiểm kê tài sản và báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm kê tài sản của Ban kiểm kê tài sản. Đã thực hiện công tác kiểm kê tài sản năm 2019.

- Công tác mua sắm, sửa chữa tài sản:

+ Căn cứ dự toán được giao, Chi cục xây dựng các kế hoạch và thực hiện mua sắm, sửa chữa tài sản năm 2020; mua sắm trang thiết bị, tài sản thuộc nội dung mua sắm tập trung năm 2020; sửa chữa nhà làm việc của các phòng trạm trực thuộc Chi cục năm 2020.

+ Thực hiện mua sắm, sửa chữa tài sản theo quy định đấu thầu (Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phân cấp quản lý nhà nước đối với quản lý tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động.

+ Trụ sở làm việc được quản lý, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả. Công tác bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên được quản lý chặt chẽ; Sử dụng xe công vụ được thực hiện đúng đối tượng, đúng mục đích.

6. Hiện đại hóa hành chính

6.1. Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước:

- Các phòng, trạm thuộc Chi cục thực hiện giao tiếp hành chính trên mạng, tiếp nhận, quản lý, xử lý thông tin và văn bản trên máy vi tính, góp phần tiết kiệm giấy tờ và thời gian giải quyết công việc.

- Sử dụng phần mềm PPDMS trong việc quản lý số liệu tình hình sinh vật hại trên cây trồng do Cục Bảo vệ thực vật cung cấp.

- Sử dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc, thường xuyên theo dõi, cập nhật các chỉ đạo của UBND Thành phố, Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Triển khai dịch vụ công trực tuyến đối với 06 TTHC.

6.2. Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính:

Chi cục tiếp tục áp dụng, mở rộng và triển khai hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015.

7. Các sáng kiến, giải pháp về mô hình CCHC, cải cách TTHC hiệu quả đang áp dụng:

Không phát sinh.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CCHC TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 77/KH-SNN ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2020.

- Thực hiện rà soát văn bản để kịp thời kiến nghị bổ sung, sửa đổi, bãi bỏ những văn bản có nội dung chưa phù hợp.

- Thực hiện kiểm soát TTHC theo quy định.

- Tiếp tục áp dụng quy trình ISO 9001:2015 đối với các TTHC.

- Tiếp tục niêm yết, công khai TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, trên trang thông tin điện tử của Chi cục.

- Thực hiện công tác đào tạo CCVC trong năm 2020 theo hướng phục vụ các chương trình mục tiêu trọng điểm của thành phố và các ban ngành.

- Thực hiện việc quản lý, chế độ chính sách đối với CCVC theo quy định.

- Thực hiện chế độ tài chính công quản lý tài sản Nhà nước theo quy định. / Lu

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT (Văn phòng Sở);

- Chi ủy, BLĐ Chi cục;

- Lưu: VT, P.HCTH.PQH(03).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Lê Thị Nghiêm



PHỤ LỤC 1

Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

(Đính kèm Báo cáo số: **HH9** /BC-CCTTBVTV ngày **22** /5/2020 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Nội dung	Quý I	6 tháng	9 tháng	Tổng số trong năm	Ghi chú
1	Kiểm tra công tác CCHC					
1.1	Số đơn vị được kiểm tra					
1.2	Kết quả việc xử lý các vấn đề đặt ra sau khi tiến hành kiểm tra					
2	Công tác tuyên truyền CCHC, CCTTHC					
2.1	Số lượng, hình thức, nội dung	17	17			Cập nhật các TTHC đã sửa đổi, bổ sung lên trang web của Chi cục; niêm yết công khai các TTHC bằng văn bản tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả
3	Khảo sát sự hài lòng					
3.1	Trên hệ thống đánh giá hài lòng					
3.1.1	Số lượt đánh giá					
3.1.2	Hài lòng					
3.1.3	Bình thường					
3.1.4	Không hài lòng					
3.2	Tại màn hình cảm ứng (Bộ phận một cửa)					
3.2.1	Số lượt đánh giá	0	0			
3.2.2	Hài lòng					
3.2.3	Bình thường					
3.2.4	Không hài lòng					
3.3	Đơn vị tự khảo sát					
3.3.1	Số lượt đánh giá	314	505			
3.3.2	Hài lòng	314	505			
3.3.3	Bình thường					
3.3.4	Không hài lòng					



PHỤ LỤC 2

Cải cách thể chế hành chính tại Chi cục

(Đính kèm Báo cáo số: **HH9** /BC-CCTTBVTV ngày **22** /5/2020 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Nội dung	Quý I	6 tháng	9 tháng	Tổng số trong năm	Ghi chú
1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của Thành phố	Không phát sinh				Năm 2020 Chi cục không đăng ký xây dựng VBQPPL của Thành phố
1.1	Số lượng VBQPPL trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành					
1.2	Số lượng VBQPPL được UBND Thành phố ban hành					
1.3	Số lượng VBQPPL được ban hành trễ hơn so với phê duyệt của UBND Thành phố					
2	Công tác rà soát, kiểm tra VBQPPL thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước do Thành phố ban hành	Xây dựng Kế hoạch số 98/KH-CCTTBVTV ngày 13/02/2020 kiểm tra, rà soát VB QPPL năm 2020	Không phát sinh			
2.1	Số lượng các VBQPPL rà soát định kỳ					
2.2	Kết quả xử lý các vấn đề phát hiện trong quá trình rà soát					
2.3	Số lượng VBQPPL sau rà soát đề xuất điều chỉnh, sửa đổi					
2.4	Số lượng VBQPPL của HĐND, UBND Thành phố thuộc lĩnh vực quản lý đề xuất hết hiệu lực, ngưng hiệu lực					
3	Công tác theo dõi thi hành pháp luật	Không phát sinh	Không phát sinh			
3.1	Số lượng VBQPPL đã được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định					
3.2	Tên các VBQPPL đã được triển khai					
3.3	Số lượng VBQPPL được kiểm tra thực hiện					
3.4	Kết quả việc xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra					



PHỤ LỤC 3
Cải cách TTHC của Chi cục

(Đính kèm Báo cáo số: **HHH**/BC-CCTTBVTV ngày **22**/5/2020 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Nội dung	Quý I	6 tháng	9 tháng	Tổng số trong năm	Ghi chú
1	Về việc công bố TTHC thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực					
1.1	Số lượng Quyết định Công bố TTHC của Chủ tịch UBND TP					
1.2	Số lượng TTHC trong các Quyết định					
1.2.1	Số lượng TTHC mới ban hành					
1.2.2	Số lượng TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế					
1.2.3	Số lượng TTHC bị bãi bỏ, hủy bỏ					
2	Tổng số lượng TTHC theo các Quyết định công bố, chuẩn hóa của Chủ tịch UBND TP đang áp dụng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực					
2.1	Cấp Thành phố (thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính thuộc UBND TP)					
2.2	Cấp huyện					
2.3	Cấp xã					
3	Tổng số TTHC đang được tiếp nhận tại cơ quan, đơn vị					
3.1	Số lượng TTHC đang thực hiện tại cơ quan (bao gồm đã công bố, chưa công bố, chưa chuẩn hóa, chưa đủ điều kiện công bố)	17	17			02 TTHC được bãi bỏ tại Quyết định số 4756/QĐ-BNN-BVTV ngày 12/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
3.2	Số lượng TTHC đang thực hiện đã được công bố	12	12			Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của Ủy ban nhân dân TPHCM.
3.3	Số lượng TTHC đang thực hiện chưa được công bố	5	5			

STT	Nội dung	Quý I	6 tháng	9 tháng	Tổng số trong năm	Ghi chú
3.4	Số lượng TTHC đang thực hiện kết hợp	0	8			Thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT
4	Số lượng TTHC thực hiện liên thông thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước					
4.1	Số lượng nhóm TTHC thực hiện liên thông					
4.1.1	Giữa các cơ quan cấp thành phố					
4.1.2	Giữa cấp thành phố và cấp huyện					
4.1.3	Giữa cấp huyện và cấp xã					
4.2	Số lượng TTHC liên thông giữa thành phố và các cơ quan Trung ương					
5	Việc tiếp nhận và trả kết quả TTHC tại đơn vị (trực tiếp, qua bưu điện hoặc trực tuyến)					
5.1	Tổng số hồ sơ tiếp nhận	338	520			
5.2	Tổng số hồ sơ đã giải quyết	314	505			15 hồ sơ đang giải quyết còn trong hạn
5.2.1	Số lượng hồ sơ đúng hạn	314	505			
5.2.2	Số lượng hồ sơ trễ hạn					
5.2.3	Số lượng hồ sơ trả bổ sung từ 02 lần trở lên					
5.3	Số lượng hồ sơ tiếp nhận và giải quyết trong buổi sáng thứ bảy hàng tuần					
5.4	Số lượng công chức đang được bố trí tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1	1			
6	Số lượng thư xin lỗi					
6.1	Qua hình thức thư xin lỗi					
6.2	Qua tin nhắn					
7	Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính					
7.1	Số lượng tiếp nhận					
7.2	Số lượng đã giải quyết và thông báo kết quả cho VP UBND TP và cá nhân, tổ chức đã phản ánh					
7.3	Số lượng chưa giải quyết					
8	Phân cấp, ủy quyền giải quyết TTHC					
8.1	Số lượng Quyết định của UBND TP đã được UBND Thành phố phân cấp hoặc ủy quyền giải quyết TTHC					
8.2	Số lượng TTHC đã được UBND Thành phố phân cấp, ủy quyền quyết định					



PHỤ LỤC 4

Cải cách tổ chức, bộ máy hành chính của Chi cục

(Đính kèm Báo cáo số: **HH9**/BC-CCTTBVTV ngày **22** /5/2020 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tiêu chí	Quý I	6 tháng	9 tháng	Tổng số trong năm	Ghi chú
1	Tổng số lượng các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc					
1.1	Số lượng phòng chuyên môn	4	4			
1.2	Số lượng đơn vị trực thuộc	6	6			
1.3	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc					
2	Thực hiện quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan thuộc Thành phố theo quy định mới nhất của Chính phủ					
2.1	Số lượng phòng chuyên môn có quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế làm việc	4	4			
2.2	Số lượng đơn vị trực thuộc có quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế làm việc	6	6			
2.3	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc có quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế làm việc					
3	Thực hiện phân cấp và ủy quyền quản lý					
3.1	Số lượng văn bản, quyết định của UBND TP phân cấp hoặc ủy quyền quản lý nhà nước					
3.2	Số lượng Quyết định của UBND Thành phố phân cấp hoặc ủy quyền quản lý nhà nước được thể hiện trong các văn bản quy phạm pháp luật					
3.3	Lĩnh vực đã được UBND Thành phố phân cấp, ủy quyền quản lý					
4	Tinh giản biên chế					
4.1	Số lượng tinh giản biên chế khối hành chính					
4.2	Số lượng tinh giản biên chế sự nghiệp					
5	Số lượng Quyết định ban hành, sửa đổi, hủy bỏ các quy chế thuộc thẩm quyền quyết định của Sở - ngành					
5.1	Số lượng Quyết định của đơn vị ban hành các quy chế					
5.2	Lĩnh vực, nội dung					
6	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính					
6.1	Số lượng phó trưởng phòng của các phòng chuyên môn	1-2	1-2			Tùy vào số biên chế của phòng
6.2	Số lượng cấp phó của lãnh đạo đơn vị trực thuộc	1-2	1-2			Tùy vào số biên chế của đơn vị
6.3	Số lượng cấp phó của lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc					
6.4	Số lượng lãnh đạo cấp sở					



PHỤ LỤC 5

Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức của Chi cục

(Đính kèm Báo cáo số: **HH9**/BC-CCTTBVTV ngày **22**/5/2020 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tiêu chí	Quý I	6 tháng	9 tháng	Tổng số trong năm	Ghi chú
1	Số lượng thực hiện các quy định về quản lý công chức viên chức					
1.1	Số lượng Quyết định tuyển dụng của đơn vị					
1.2	Số lượng Quyết định bổ nhiệm ngạch công chức của đơn vị		1			
1.3	Số lượng Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp của đơn vị					
1.4	Số lượng Công chức được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo từ cấp phó trở lên ở các đơn vị hành chính, phòng, ban chuyên môn	2	2			
1.5	Số lượng Công chức được bổ nhiệm lại chức vụ lãnh đạo từ cấp phó trở lên ở các đơn vị hành chính, phòng, ban chuyên môn					
1.6	Số lượng Viên chức bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo từ cấp phó trở lên ở các đơn vị sự nghiệp công lập (Hiệu trưởng, Hiệu phó, GD, PGD Trung tâm, ... trực thuộc Sở - ngành, quận - huyện)					
1.7	Số lượng Viên chức được bổ nhiệm lại chức vụ lãnh đạo từ cấp phó trở lên ở các đơn vị sự nghiệp công lập					
1.8	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật					
1.8.1	Khiển trách					
1.8.2	Cảnh cáo					
1.8.3	Cách chức					
1.8.4	Buộc thôi việc					
1.9	Số lượng công chức, viên chức nghỉ hưu					
1.10	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức nghỉ việc					
2	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Xây dựng Kế hoạch số 1301/KH-CCTTBVTV ngày 31/12/2019 về đào tạo, bồi dưỡng CCVC năm 2020	Không phát sinh			
2.1	Số lượng lớp đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ do đơn vị tổ chức					

STT	Tiêu chí	Quý I	6 tháng	9 tháng	Tổng số trong năm	Ghi chú
2.1.1	Lĩnh vực, tên các lớp đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ					
2.1.2	Số lượng học viên tham gia lớp đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ do đơn vị tổ chức					
2.2	Số lượng cán bộ, CC, VC tham gia lớp đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ do thành phố tổ chức					
3	Về cải cách công vụ công chức					
3.1	Số lượng người trúng tuyển trong thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo cơ quan, đơn vị, phòng, ban					
3.2	Số lượng người (nhân tài, nhân tài đặc biệt) được thu hút vào làm việc bộ máy hành chính, tổ chức khoa học và công nghệ					
4	Nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố					
4.1	Số lần tổ chức thanh tra, kiểm tra công vụ, công chức					
4.2	Xử lý sau khi có kết quả thanh tra, kiểm tra công vụ, công chức					



PHỤ LỤC 6

Cải cách tài chính công của Chi cục

(Đính kèm Báo cáo số: **HH9**/BC-CCTTBVTV ngày **22**/5/2020 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tiêu chí	Quý I	6 tháng	9 tháng	Tổng số trong năm	Ghi chú
1	Về thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước (NĐ 130/NĐ-CP)					
1.1	Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ		1 Quy chế và 1 Quy chế sửa đổi, bổ sung			
1.2	Tăng thu nhập (bao nhiêu lần)	0,054	0,056			Ước chi quý II
2	Về thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập (NĐ 141/NĐ-CP)					
2.1	Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ					
2.2	Tăng thu nhập (bao nhiêu lần)					
3	Về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập (NĐ 54/NĐ-CP)					
3.1	Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ					
3.2	Tăng thu nhập (bao nhiêu lần)					



PHỤ LỤC 7

Hiện đại hóa hành chính tại Chi cục

(Đính kèm Báo cáo số: HH9/BC-CCTTBVTV ngày 22/5/2020 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tiêu chí	Quý I	6 tháng	9 tháng	Tổng số trong năm	Ghi chú
1	Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước					
1.1	Số lượng cơ quan, đơn vị trực thuộc sử dụng phần mềm quản lý văn bản và kết nối với UBND thành phố	10	10			
1.2	Số lượng đơn vị sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) trong trao đổi công việc	4	4			
1.3	Hộp thư điện tử	18	18			
1.3.1	Số lượng hộp thư điện tử cấp cho công chức, viên chức lãnh đạo	15	16			
1.3.2	Số lượng hộp thư điện tử cấp cho công chức, viên chức	2	1			
1.4	Số lượng TTHC cung cấp trên hệ thống một cửa điện tử của thành phố (nếu có)					
1.5	Trang thông tin điện tử của cơ quan	1	1			
1.6	Tình hình triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến (nếu có):					
1.6.1	Số lượng TTHC được cung cấp trực tuyến ở mức độ 2					
1.6.2	Số lượng TTHC được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3	6	6			
1.6.3	Số lượng TTHC được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4					
1.7	Tình hình sử dụng dịch vụ công trực tuyến (nếu có):					
1.7.1	Số lượng hồ sơ được xử lý trực tuyến ở mức độ 3	136	210			
1.7.2	Số lượng hồ sơ được xử lý trực tuyến ở mức độ 4					
2	Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan, đơn vị trực thuộc					
2.1	Đơn vị đã công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001 nào	9001:2015	9001:2015			
2.2	Số lượng TTHC, nội bộ đã công bố thực hiện theo ISO 9001	17	17			
2.3	Số lượng TTHC, nội bộ thực hiện theo ISO 9001 chưa công bố					
2.4	Số lượng TTHC đang thực hiện ISO điện tử (nếu có)	17	17			
3	TTHC thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích (nếu có)					
3.1	Số lượng hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích	68	122			
3.2	Số lượng hồ sơ trả qua dịch vụ bưu chính công ích					